

Số: 68/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 24 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2026 về việc “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Diễm T**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: E211b, tổ D, khu phố C, phường L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh **Đỗ Văn T1**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn D, xã L, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Chị Trần Thị Diễm T và anh Đỗ Văn T1.

2/ **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Diễm T và anh Đỗ Văn T1 đều nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cháu Đỗ Hữu N, sinh ngày 18/10/2012 và cháu Đỗ Hữu Gia B, sinh ngày 28/7/2014 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh T1 có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật; được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp xây dựng của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí Tòa án: Chị Trần Thị Diễm T tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000749 ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Khu vực 3 – Hưng Yên;
- Phòng THADSKV3 Hưng Yên;
- UBND phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường